

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH  
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ VÀ TIẾN SĨ, ĐỢT II - NĂM 2012**

Kính gửi: - Các đại học; viện nghiên cứu; trường đại học, cao đẳng, THCN và dạy nghề;  
- Các cơ quan, sở, ban ngành; doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp;  
- Các trường phổ thông; cơ sở giáo dục, y tế và tổ chức xã hội.

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh sau đại học năm 2012 của Đại học Thái Nguyên; căn cứ chỉ tiêu đào tạo sau đại học năm 2012 được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định, Đại học Thái Nguyên thông báo tuyển sinh sau đại học đợt II - Năm 2012 như sau:

**1. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ. Tổng chỉ tiêu: 673 học viên.**

**1.1. Thời gian thi tuyển:** Ngày 21, 22 và 23 tháng 9 năm 2012.

**1.2. Hình thức và thời gian đào tạo:** Tập trung 2 năm.

**1.3. Chuyên ngành đào tạo và các môn thi tuyển**

Người dự tuyển đào tạo thạc sĩ phải thi 3 môn: Môn Ngoại ngữ trình độ B, môn Cơ bản và môn Cơ sở. Các môn thi Cơ bản và Cơ sở của từng chuyên ngành cụ thể như sau:

| TT | Chuyên ngành đào tạo<br>thạc sĩ | Mã số    | Môn thi          |                    | Liên hệ nộp<br>hồ sơ                                                             |
|----|---------------------------------|----------|------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                 |          | Cơ bản           | Cơ sở              |                                                                                  |
| 1  | LL và PP dạy học Sinh học       | 60 14 10 | Toán CC thống kê | Sinh học cơ sở     | Liên hệ, nộp hồ sơ,<br>ôn tập tại Trường<br>Đại học Sư phạm;<br>ĐT. 0280 3855785 |
| 2  | Sinh thái học                   | 60 42 60 |                  |                    |                                                                                  |
| 3  | Di truyền học                   | 60 42 70 |                  |                    |                                                                                  |
| 4  | Sinh học thực nghiệm            | 60 42 30 |                  |                    |                                                                                  |
| 5  | LL & PP dạy học Địa lý          | 60 14 10 | Toán cao cấp III | Địa lí đại cương   |                                                                                  |
| 6  | Địa lý học                      | 60 31 95 |                  |                    |                                                                                  |
| 7  | LL & PP dạy học Vật lý          | 60 14 10 | Toán Vật lý      | Vật lý đại cương   |                                                                                  |
| 8  | LL và PP dạy học Toán học       | 60 14 10 | Giải tích        | Đại số             |                                                                                  |
| 9  | Đại số và lý thuyết số          | 60 46 05 |                  |                    |                                                                                  |
| 10 | Toán Giải tích                  | 60 46 01 |                  |                    |                                                                                  |
| 11 | LL & PP dạy học Văn - TV        | 60 14 10 | Triết học        | Lý luận văn học    |                                                                                  |
| 12 | Văn học Việt Nam                | 60 22 34 |                  |                    |                                                                                  |
| 13 | Ngôn ngữ học                    | 60 22 01 |                  | Ngôn ngữ ĐC        |                                                                                  |
| 14 | Lịch sử Việt Nam                | 60 22 54 |                  | Lịch sử Việt Nam   |                                                                                  |
| 15 | Giáo dục học                    | 60 14 01 |                  | Tâm lý đại cương   |                                                                                  |
| 16 | Quản lý giáo dục                | 60 14 05 |                  | Giáo dục đại cương |                                                                                  |
| 17 | Hoá hữu cơ                      | 60 44 27 | Toán cao cấp II  | Hoá học cơ sở      |                                                                                  |
| 18 | Hoá phân tích                   | 60 44 29 |                  |                    |                                                                                  |
| 19 | Hóa vô cơ                       | 60 44 25 |                  |                    |                                                                                  |
| 20 | Chăn nuôi                       | 60 62 40 | Toán CC thống kê | Sinh lý động vật   | Liên hệ, nộp hồ sơ<br>tại Trường ĐH<br>Nông Lâm;<br>ĐT. 0280 3852925             |
| 21 | Thú y                           | 60 62 50 |                  |                    |                                                                                  |
| 22 | Trồng trọt                      | 60 62 01 |                  | Sinh lý thực vật   |                                                                                  |
| 23 | Lâm học                         | 60 62 60 |                  | Nguyên lý lâm sinh |                                                                                  |
| 24 | Quản lý đất đai                 | 60 62 16 |                  | Trắc địa           |                                                                                  |
| 25 | Khoa học môi trường             | 60 85 02 |                  | CS KH Môi trường   |                                                                                  |
| 26 | Phát triển nông thôn            | 60 62 25 |                  | NLPT Nông thôn     |                                                                                  |

|    |                                |          |                        |                     |                                                                                    |
|----|--------------------------------|----------|------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 27 | Công nghệ chế tạo máy          | 60 52 04 | Toán cao cấp I         | Sức bền vật liệu    | Liên hệ, nộp hồ sơ, ôn tập tại Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;<br>ĐT. 0280 3847155 |
| 28 | Thiết bị, mạng và nhà máy điện | 60 52 50 |                        | Cơ sở kỹ thuật điện |                                                                                    |
| 29 | Kỹ thuật điện tử               | 60 52 70 |                        | Xử lý tín hiệu số   |                                                                                    |
| 30 | Tự động hóa                    | 60 52 60 |                        | Cơ sở kỹ thuật điện |                                                                                    |
| 31 | Cơ học kỹ thuật                | 60 52 02 |                        | Cơ học lý thuyết    |                                                                                    |
| 32 | Y học dự phòng                 | 60 72 73 | Toán CC thống kê       | Vi sinh học         | Liên hệ, nộp hồ sơ, ôn tập tại Trường Đại học Y Dược;<br>ĐT. 0280 3858198          |
| 33 | Nội khoa                       | 60 72 20 |                        | Sinh lý học         |                                                                                    |
| 34 | Nhi khoa                       | 60 72 16 |                        |                     |                                                                                    |
| 35 | Phương pháp Toán sơ cấp        | 60 46 40 | Cơ sở lý thuyết hàm số | Đại số              | Liên hệ, nộp hồ sơ, ôn tập tại Trường Đại học Khoa học;<br>ĐT.02803746983          |
| 36 | Toán ứng dụng                  | 60 46 36 |                        |                     |                                                                                    |
| 37 | Công nghệ sinh học             | 60 42 80 | Toán CC thống kê       | Sinh học phân tử    |                                                                                    |
| 38 | Khoa học máy tính              | 60 48 01 | Toán rời rạc           | Tin học cơ sở       | Liên hệ, nộp hồ sơ tại Trường ĐH CN thông tin & Truyền thông<br>ĐT. 02803204478    |

#### 1.4. Điều kiện dự thi

##### 1.4.1. Điều kiện chung

###### a) Về văn bằng

\* Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng/phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự thi.

Nếu có bằng đại học ngành đúng/phù hợp hệ vừa làm vừa học, muốn dự tuyển vào một trong các chuyên ngành đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm, thì phải có thêm bằng cao đẳng hoặc trung học chuyên nghiệp hệ chính quy ngành đúng/phù hợp.

Dự tuyển vào chuyên ngành đào tạo phối hợp với Viện Toán học: có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành Toán hoặc Toán - Tin học (đã học bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển).

Nếu có bằng đại học hệ đào tạo từ xa hoặc bằng đại học thứ hai, thì ngành tốt nghiệp (ghi trên bằng và thể hiện qua bảng điểm) phải là ngành đúng, ngoài ra phải có một bằng đại học chính quy hoặc bằng đại học hệ vừa làm vừa học ngành khác.

\* Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần phải học bổ sung một số học phần trước khi thi tuyển để có kiến thức tương đương với người tốt nghiệp đại học ngành đúng. Nội dung, khối lượng kiến thức bổ sung và thời gian học tập do đơn vị đào tạo quy định.

###### b) Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:

\* Đối tượng được dự thi tuyển ngay sau khi tốt nghiệp đại học:

- Các chuyên ngành đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng/phù hợp với chuyên ngành dự tuyển, điểm trung bình chung học tập toàn khóa đại học  $\geq 6,5$  (đào tạo theo niên chế),  $\geq 2,2$  (theo học chế tín chỉ).

- Các chuyên ngành đào tạo tại Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng/ phù hợp hệ chính quy (nếu tốt nghiệp ngành đúng/ phù hợp hệ vừa làm vừa học thì phải xếp loại trung bình khá trở lên).

- Các chuyên ngành đào tạo tại Trường Đại học Nông Lâm: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng/ phù hợp loại trung bình khá trở lên.

- Các chuyên ngành đào tạo tại Trường Đại học Y Dược: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng/ phù hợp loại khá trở lên.

- Các chuyên ngành đào tạo tại các Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh, Đại học Khoa học, Đại học Công nghệ thông tin & Truyền thông và các chuyên ngành phối hợp đào tạo tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng/phù hợp loại trung bình khá trở lên; nếu bằng tốt nghiệp hệ vừa làm vừa học ngành đúng/ phù hợp thì phải đạt loại khá trở lên.

- Các chuyên ngành phối hợp đào tạo tại Viện Toán học: Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành Toán học và Toán – Tin học.

\* Những đối tượng còn lại phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi tính từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

#### **1.4.2. Điều kiện về văn bằng, thâm niên công tác và đối tượng dự tuyển chuyên ngành Quản lý giáo dục**

a) Về văn bằng: Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy hay chuyên tu, nếu bằng đại học hệ vừa làm vừa học, hoặc liên thông thì phải có một bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc trung học chuyên nghiệp hệ chính quy. Người dự tuyển phải học bổ sung một số học phần ngành Quản lý giáo dục trước khi thi (trừ người tốt nghiệp đại học ngành Quản lý giáo dục và Tâm lý – Giáo dục). Nội dung, khối lượng kiến thức bổ sung do Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm quy định.

b) Về thâm niên công tác: Người tốt nghiệp đại học ngành Quản lý giáo dục, đủ điều kiện về điểm học tập như quy định đối với Trường Đại học Sư phạm tại *Phần b, Mục 1.4.1* được dự thi ngay. Những đối tượng khác phải có ít nhất 01 năm công tác trong lĩnh vực quản lý giáo dục tính từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

c) Đối tượng được dự thi gồm: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường từ mầm non trở lên; trưởng khoa, phó trưởng khoa các trường đại học, cao đẳng, THCN và dạy nghề; lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của sở/phòng giáo dục và đào tạo, phòng/ban đào tạo/ giáo vụ của các trường đại học, cao đẳng, THCN và dạy nghề; lãnh đạo và chuyên viên tổ chức chính trị xã hội liên quan đến lĩnh vực giáo dục đào tạo.

### **1.5. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

#### **1.5.1. Đối tượng**

a) Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo;

Các đối tượng được ưu tiên theo quy định trên phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc biệt phái công tác của cấp có thẩm quyền.

b) Thương binh, bệnh binh người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Con nạn nhân chất độc màu da cam;

đ) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;

e) Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

#### **1.5.2. Chính sách ưu tiên**

a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 1,0 điểm vào kết quả thi môn cơ bản (thang điểm 10);

b) Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng một tiêu chuẩn ưu tiên.

### **1.6. Hồ sơ đăng ký dự thi**

Đăng ký dự thi vào chuyên ngành nào thì liên hệ với đơn vị đào tạo chuyên ngành đó để nhận Mẫu Hồ sơ đăng ký dự thi. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

1 - Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu quy định); ghi đầy đủ các mục trong phiếu.

2 - Sơ yếu lý lịch trong thời hạn 6 tháng có dán ảnh và đóng dấu giáp lai; xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền xã/ phường/thị trấn nơi cư trú.

3 - Công văn cử đi dự thi của thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự (đối với CBCC).

4 - Bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động dài hạn để chứng nhận thâm niên công tác;

- 5 - Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học;
- 6 - Giấy khám sức khỏe của bệnh viện;
- 7 - Bản sao giấy khai sinh;
- 8 - Giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);
- 9 - Hai ảnh chân dung mới chụp trong thời gian 6 tháng cỡ 3 x 4 (mặt sau ảnh ghi họ tên, ngày tháng năm sinh); Hai phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ cần gửi đến cho thí sinh;
- 10 - Bảng điểm các học phần bổ sung để đạt trình độ tương đương chuyên ngành đúng.

### 1.7. Kinh phí đào tạo và học phí

a) Cán bộ, công chức thuộc cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp nhà nước được thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự có công văn cử đi dự thi, có quyết định cử đi học (nếu trúng tuyển) thì được hưởng kinh phí hỗ trợ đào tạo do nhà nước cấp. Những đối tượng khác phải đóng chi phí đào tạo theo quy định.

b) Tất cả học viên đào tạo trình độ thạc sĩ đều phải nộp học phí theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

## 2. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ. Tổng chỉ tiêu: 46 nghiên cứu sinh.

**2.1. Thời gian tuyển sinh:** Ngày 21, 22 và 23 tháng 9 năm 2012

**2.2. Hình thức tuyển sinh:** Xét tuyển.

### 2.3. Hình thức và thời gian đào tạo

- Đối với người có bằng thạc sĩ thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục.

- Trường hợp NCS không thể theo học tập trung liên tục và được Đại học Thái Nguyên chấp thuận, thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của NCS phải có tổng thời gian như quy định, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại đơn vị đào tạo để thực hiện đề tài luận án.

### 2.4. Chuyên ngành đào tạo

| TT | Chuyên ngành đào tạo tiến sĩ      | Mã số       | Liên hệ, nộp hồ sơ                                                           |
|----|-----------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Lý luận & Lịch sử Giáo dục        | 62 14 01 01 | Liên hệ, nộp hồ sơ<br>tại Trường ĐH Sư phạm<br>ĐT: 0280 3855785              |
| 2  | Di truyền học                     | 62 42 70 01 |                                                                              |
| 3  | Văn học Việt Nam                  | 62 22 34 01 |                                                                              |
| 4  | Lý luận & PPDH bộ môn Vật lý      | 62 14 10 02 |                                                                              |
| 5  | Sinh thái học                     | 62 42 60 01 |                                                                              |
| 6  | Toán giải tích                    | 62 46 01 01 |                                                                              |
| 7  | Lý luận và PPDH bộ môn Sinh học   | 62 14 10 07 |                                                                              |
| 8  | Trồng trọt                        | 62 62 01 01 | Liên hệ, nộp hồ sơ<br>tại Trường ĐH Nông Lâm<br>ĐT: 0280 3852925             |
| 9  | Chăn nuôi động vật                | 62 62 40 01 |                                                                              |
| 10 | Vì sinh vật học thú y             | 62 62 50 10 |                                                                              |
| 11 | Dinh dưỡng & thức ăn chăn nuôi    | 62 62 45 01 |                                                                              |
| 12 | Kỹ sinh trùng học thú y           | 62 62 50 05 |                                                                              |
| 13 | Kỹ thuật lâm sinh                 | 62 62 60 01 |                                                                              |
| 14 | Quản lý đất đai                   | 62 85 01 03 |                                                                              |
| 15 | Tự động hoá                       | 62 52 60 01 | Liên hệ, nộp hồ sơ<br>tại Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp<br>ĐT: 0280 3847155 |
| 16 | Công nghệ chế tạo máy             | 62 52 04 01 |                                                                              |
| 17 | Kỹ thuật máy công cụ              | 62 52 04 15 |                                                                              |
| 18 | Vệ sinh xã hội học & Tổ chức y tế | 62 62 73 15 | Liên hệ, nộp hồ sơ tại Trường ĐH Y<br>Được - ĐT: 0280 3858198                |
| 19 | Hoá sinh học                      | 62 42 30 15 | Liên hệ, nộp hồ sơ tại Trường ĐH Khoa học<br>ĐT: 0280 3746983                |
| 20 | Kinh tế nông nghiệp               | 62 31 10 01 | Liên hệ, nộp hồ sơ tại Trường ĐH Kinh tế & QTKD. ĐT: 0280 3547653            |

Danh mục hướng nghiên cứu, đề tài nghiên cứu và danh sách các nhà khoa học dự kiến nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh xem trên trang web: <http://sdh.tnu.edu.vn>

## **2.5. Điều kiện dự tuyển**

### **2.5.1. Về văn bằng phải thỏa mãn một trong các điều kiện:**

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hay phù hợp, hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ.
- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng đại học chính quy ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp này, người dự tuyển phải có ít nhất 01 bài báo nội dung phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học chuyên ngành trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.
- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, ngành phù hợp loại giỏi trở lên.
- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, ngành phù hợp loại khá và có ít nhất 01 bài báo nội dung phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

### **2.5.2. Điều kiện thâm niên công tác**

a) Người có bằng thạc sĩ, bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi được đăng ký dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp;

b) Người có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại khá cần có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

### **2.5.3. Có một bài luận về dự định nghiên cứu theo các nội dung chủ yếu sau:**

- Trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu. Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu;
- Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký học nghiên cứu sinh;
- Những dự định và kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo;
- Kinh nghiệm về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác; kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề dự định nghiên cứu;
- Đề xuất người hướng dẫn trên cơ sở đồng thuận giữa người hướng dẫn và người đăng ký dự tuyển.

Bài luận trình bày theo mẫu của "Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ" ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh khi đánh giá bài luận của thí sinh sẽ chấm điểm công trình khoa học (bài báo khoa học công bố trên Tạp chí khoa học, báo cáo khoa học được đăng trong tuyển tập báo cáo hội nghị khoa học quốc gia/quốc tế và được các nhà xuất bản cấp giấy phép in).

### **2.5.4. Có hai (02) thư giới thiệu:**

- Hoặc của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hay học vị tiến khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành;
- Hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hay học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của người đăng ký dự tuyển.

Những người giới thiệu cần có ít nhất 06 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có nội dung nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển.

### **2.5.5. Về trình độ ngoại ngữ, người dự tuyển phải có một trong các loại văn bằng, chứng chỉ sau:**

a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển, được cấp bởi ĐHTN/ trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền/trường đại học trong nước có đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học.

Nội dung tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 khung châu Âu (*các điểm số dưới đây là điểm tối thiểu cần đạt được*) như sau:

- Chứng chỉ tiếng Anh: TOEFL PBT 450, TOEFL iBT 45, TOEFL CBT 133, IELTS 4.5, TOEIC 450, BULATS 40 điểm trở lên hoặc tương đương; Preliminary PET (Cambridge Exam), Business Preliminary (BEC).

- Chứng chỉ ngoại ngữ khác: tiếng Nga TRKI cấp độ 1; tiếng Trung HSK cấp độ 3; tiếng Pháp DELF B1; TCF niveau 3; tiếng Đức ZD B1; tiếng Nhật JLPT N4.

b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ;

Trong trường hợp thí sinh dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ không có một trong các văn bằng, chứng chỉ nêu trên, thí sinh sẽ phải đăng ký thi B1 - Khung châu Âu trước 1 tháng để ĐHTN bố trí tổ chức thi.

## **2.6. Quy trình xét tuyển**

- Thí sinh được phỏng vấn trình độ chuyên môn, thẩm định trình độ ngoại ngữ và bảo vệ bài luận (hoặc đề cương nghiên cứu đề tài luận án) trước Tiểu ban chuyên môn.

- Thành viên tiểu ban chuyên môn đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển thể hiện ở các nội dung:

+ Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ;

+ Trình độ ngoại ngữ;

+ Thành tích nghiên cứu khoa học đã có và kinh nghiệm hoạt động chuyên môn;

+ Chất lượng bài luận hoặc đề cương nghiên cứu.

## **2.7. Hồ sơ đăng ký dự tuyển**

Người đăng ký dự tuyển vào chuyên ngành nào thì liên hệ với đơn vị đào tạo chuyên ngành đó để nhận Mẫu Hồ sơ đăng ký dự tuyển. Hồ sơ gồm:

1 - Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu quy định); ghi đầy đủ các mục trong phiếu.

2 - Sơ yếu lý lịch trong thời hạn 6 tháng có dán ảnh của người đăng ký dự tuyển và đóng dấu giáp lai; xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự hoặc chính quyền xã/phường/ thị trấn nơi thí sinh cư trú (đối với người chưa có việc làm).

3 - Công văn cử đi dự tuyển của thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự đối với cán bộ, công chức nhà nước, trong đó, cam kết tạo điều kiện để người học thực hiện các yêu cầu về thời gian, học phí và hình thức đào tạo;

4 - Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động dài hạn;

5 - Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học; bằng tốt nghiệp thạc sĩ, bằng điểm thạc sĩ;

6 - Bài luận về dự định nghiên cứu;

7 - Hai thư giới thiệu;

8 - Bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ xác định trình độ ngoại ngữ.

9 - Bản sao chụp bìa, mục lục tạp chí và toàn văn bài báo khoa học đã công bố (nếu có).

10 - Giấy khám sức khỏe của bệnh viện;

11 - Bản sao giấy khai sinh;

12 - Hai ảnh chân dung mới chụp cỡ 3 x 4 (mặt sau ảnh ghi họ tên, ngày tháng năm sinh); Hai phong bì dán tem ghi địa chỉ người nhận.

## **2.8. Kinh phí đào tạo và học phí**

a) Cán bộ, công chức thuộc cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp nhà nước được thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự có công văn cử đi dự thi, có quyết định cử đi học (nếu trúng tuyển) thì được hưởng kinh phí hỗ trợ đào tạo do nhà nước cấp. Những đối tượng khác phải đóng chi phí đào tạo theo quy định.

b) Tất cả NCS đều phải nộp học phí theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

### **3. NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

Hồ sơ đăng ký dự tuyển phải đầy đủ, hoàn chỉnh và nộp đúng thời hạn quy định cho Phòng Quản lý đào tạo sau đại học của đơn vị đào tạo chuyên ngành (tên trường và số điện thoại ghi trong các bảng trên). Sau ngày thi Đại học Thái Nguyên không giải quyết bổ sung, thay đổi về bất kì nội dung nào của hồ sơ đăng ký dự tuyển.

- Thời gian nhận hồ sơ từ ngày 10/7/2012 đến hết ngày 30/8/2012.

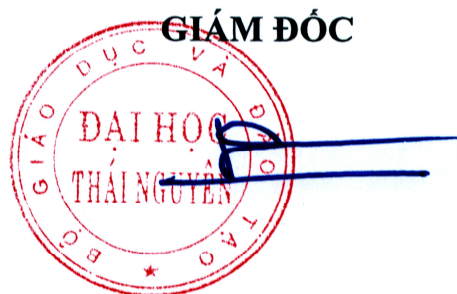
- Đối tượng phải học các học phần bổ sung cần nộp hồ sơ và đăng ký học chậm nhất trước ngày 01/8/2012 để đơn vị đào tạo có kế hoạch tổ chức dạy học, đánh giá và cấp bằng điểm môn học trước ngày Đại học Thái Nguyên xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển.

Thông tin tuyển sinh có thể xem trên trang web: <http://sdh.tnu.edu.vn>; <http://www.tnu.edu.vn> và các website của các trường đại học thành viên.

Địa chỉ liên hệ: Đại học Thái Nguyên, phường Tân Thịnh, TP. Thái Nguyên; Điện thoại: 0280. 3851588; hoặc 0280. 3656843. E-mail: bansdh.dhtn@moet.edu.vn.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Ban GD (b/c);
- Các đơn vị đào tạo SDH;
- Website của Đại học;
- Lưu VT, ĐT SDH.



**PGS.TS. Đặng Kim Vui**